

Phục lục 2

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2024 -2025

ĐỘ TUỔI 4 -5 TUỔI

(Kèm theo Kế hoạch giáo dục nhà trường số 78/KHGD-MNDN ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Trường Mầm non Diễm Ngọc)

Mục tiêu giáo dục năm học	Nội dung giáo dục năm học
Lĩnh vực phát triển thể chất	
Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe	
1.Trẻ khoẻ mạnh, cơ thể phát triển cân đối, cân nặng và chiều cao nằm trong kênh A. Trẻ trai + Cân nặng từ 14.4 - 23.5kg + Chiều cao từ 100.7 - 119.1 cm Trẻ gái+ Cân nặng từ 13.8 - 23.2 kg + Chiều cao từ 99.5 - 117.2 cm	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. Ăn đủ chất dinh dưỡng P, G,L, VTM - KNS: Trẻ có kỹ năng nhận biết các món ăn lợi ích ăn uống để phát triển chiều cao và cân nặng. - Trẻ có kỹ năng hiểu được chiều cao cân nặng bản thân so bạn cùng tuổi và biết ăn để cao lớn, khoẻ mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng. - Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc buổi trưa (khoảng 140-150 phút). Vệ sinh cá nhân, Vệ sinh môi trường: Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải. - Khám sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì. - Phòng tránh các bệnh thường gặp. Theo dõi tiêm chủng. - Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.
2. Trẻ biết tên một số thực phẩm cùng nhóm: Nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản:	- Thịt, cá, ...có nhiều chất đạm. - Rau, quả chín có nhiều vitamin - rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo... - Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng). Nhóm thực phẩm giàu Protit, Lipit, Gluxit, VTM và muối khoáng. - Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn. - KNS : - Biết được các món ăn hàng ngày

	- Nhóm thực phẩm - Hoạt động chế biến món ăn
3. Trẻ biết ăn để cao lớn, khoẻ mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất giúp cơ thể tăng sức đề kháng phòng chống bệnh tật đặc biệt là dịch bệnh. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...)
4. Trẻ thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở: vệ sinh cá nhân	- Tự rửa tay bằng xà phòng, . Tự lau mặt, đánh răng. - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn. KNS: Hoạt động thực tế lau mặt rửa tay.
5. Trẻ tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn. Có một số hành vi tốt trong ăn uống	- Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ. Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau... - Tự xúc cơm ăn gọn gàng, tự xúc cơm, không đùa nghịch, không làm rơi vãi thức ăn. - Trong khi ăn không được khạc nhổ bừa bãi, ho , hắt hơi biết lấy tay che miệng, ngoảnh mặt ra ngoài. - Không dùng tay bốc thức ăn, không xúc thức ăn, cơm của mình bỏ vào bát của bạn. - Không uống nước lã. KNS: - Ăn uống văn minh –Lịch sự- trải nghiệm tiệc buffe
6. Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở.	- Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh. đi dép giấy khi đi học. - Luôn đeo khẩu trang khi ra khỏi nhà. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt.... - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Bỏ rác đúng nơi qui định. - Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người KNS : Phòng bệnh cảm cúm, bệnh đầu mùa... - Trẻ có kỹ năng đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Kỹ năng Bỏ rác đúng nơi qui định. - Kỹ năng tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe
7. Trẻ nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng.... là nguy	- Nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ

hiểm không đến gần. Biết các vật sắc nhọn không nên nghịch	KNS: Hoạt động thực hành các dụng cụ nguy hiểm...
8.Trẻ biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở:	- Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt.... - Không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ... không uống rượu, bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn. - Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo. - Không theo người lạ. KNS: - Phòng tránh bắt cóc - Phòng tránh đi lạc đường, ghi nhớ số điện thoại người thân. - Kỹ năng thoát hiểm khi hỏa hoạn - Kỹ năng phòng ứng phó với kẻ gian khi ở nhà một mình. - Ăn uống văn minh
9.Trẻ nhận ra những nơi như: hồ, ao, nương nước, suối, bể chứa nước...là nơi nguy hiểm, không được chơi gần	- Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu. - Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết. KNS: Phòng tránh đuối nước.
<i>Phát triển vận động</i>	
10. Trẻ thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc / bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.Trẻ thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh.	- Hô hấp: Hít vào, thở ra. - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẩy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân). + Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao. + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẩy bàn tay, nắm, mở bàn tay). + Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu). ngửa người ra sau. - Lưng, bụng, lườn: + Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái. + Quay sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái.

	+ Nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái. - Chân: Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau. + Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang; nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về sau. KNS: trẻ có kỹ năng tập thể dục sáng.
11. Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động. Trẻ kiểm soát được vận động: Đi – Chạy- Bật- Nhảy.	- Đi bằng gót chân, đi khuyu gối, đi lùi. - Đi trên ghế thể dục, đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn. - Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh, đích đặc (đổi hướng) theo vật chuẩn. - Chạy 15m trong khoảng 10 giây. Chạy chậm 60 - 80m. - Đi bước lùi 3m - Chạy 15m trong khoảng 10 giây. - Chạy chậm 60 - 80m. Bật - nhảy: - Bật liên tục về phía trước. Bật xa 35 - 40cm. Bật - nhảy từ trên cao xuống (cao 30 - 35cm). - Bật tách chân, khép chân qua 5 ô. Bật qua vật cản cao 10 - 15cm. - Nhảy lò cò 3m
12. Phối hợp tay- mắt trong vận động: Tung- Ném- Bắt – Bò- trườn- trèo	- Tung, ném, bắt: - Tung bóng lên cao và bắt. - Đập và bắt bóng tại chỗ. - Ném xa bằng 1 tay, 2 tay. - Ném trúng đích bằng 1 tay - Chuyên, bắt bóng qua đầu, qua chân. - Tung bắt bóng với người đối diện (cô/bạn): bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 3 m). - Ném trúng đích đứng (xa 1,5 m x cao 1,2 m). - Tự đập bắt bóng được 4-5 lần liên tiếp Bò, trườn, trèo: - Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-4m. - Bò đích đặc qua 5 điểm. - Bò chui qua cổng, ống dài 1,2m x 0,6m. - Trườn theo hướng thẳng. - Trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm. - Trèo lên, xuống 5 gióng thang.

	- Bò trong đường đích dắc (3 - 4 điểm đích dắc, cách nhau 2m) không chệch ra ngoài
13. Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp:	- Chạy liên tục theo hướng thẳng 15 m trong 10 giây - Ném trúng đích ngang (xa 2 m). - Nhún chân. - Ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ. - Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối.
14. Trẻ thực hiện được các vận động:	- Cuộn - xoay tròn cổ tay. - Gập, mở, các ngón tay.
15. Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động:	- Vẽ hình người, nhà, cây. - Cắt thành thạo theo đường thẳng. - Xây dựng, lắp ráp với 10 - 12 khối. - Biết tết sợi đôi. - Tự cài, cởi cúc, buộc dây giày.
<i>Giáo dục phát triển nhận thức</i>	
<i>Khám phá khoa học</i>	
16. Quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh	- Với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng: Vì sao cây lại héo? Vì sao lá cây bị ướn?...
17. Trẻ phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.	- Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: Pha màu/ đường/muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh.
18. Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện	- Xem tranh, xem sách và trò chuyện cùng nhau.
19. Phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu.	- Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 - 3 đồ dùng, đồ chơi. - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1 - 2 dấu hiệu - Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 1 - 2 dấu hiệu. - Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi.

20.Trẻ nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. Ví dụ: “Cho thêm đường/ muối nên nước ngọt/mặn hơn”	- Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống - Các thí nghiệm đơn giản - Các nguồn nước trong môi trường sống. - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây -Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống
21.Trẻ sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản.Ví dụ: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn.	- Trẻ làm các thí nghiệm đơn giản trong cuộc sống hàng ngày - KNS: Biết được kết quả thí nghiệm
22. Trẻ nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát. Con vật, cây cối. Phương tiện giao thông	- Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con ngư - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả. - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1 - 2 dấu hiệu - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây - Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 1 - 2 dấu hiệu - KNS: Kỹ năng chăm sóc con vật cây cối...
23.Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể .	- Trẻ biết một số bộ phận trên cơ thể bé, giới tính cơ thể
24.Một số hiện tự tượng nhiên: Thời tiết, mùa nước sôi đá cát	- Một số đặc điểm, tính chất của nước. - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước. - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây.
<i>Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán</i>	
25.Trẻ biết quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: bao nhiêu? là số mấy?... Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng - Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe,...). - Số 2 tiết 1 - Số 3 tiết 1, - Số 4 tiết 1 - Số 5 tiết
26.Trẻ biết so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm	So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi

vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	2 (Số 2 tiết 2) - So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 3 (Số 3 tiết 2) - So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 4 (Số 4 tiết 2) - So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 (Số 5 tiết 2)
27. Trẻ tách, gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả. Tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn	- Gộp hai nhóm đối tượng và đếm - Tách một nhóm đối tượng thành nhóm nhỏ hơn và đếm.
28. Trẻ sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự.	- Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5 - Nhận ra con số, nhóm trong đối tượng 5, thực hiện theo thứ tự từ bé đến lớn.
29. Nhận ra qui tắc sắp xếp của ít nhất ba đối tượng và sao chép lại. Sử dụng được ¹ dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.	- So sánh, phát hiện qui tắc sắp xếp và sắp xếp theo qui tắc. - Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi - Sắp xếp theo quy tắc 2-3 đối tượng(1:1:1); (2:2:1); (2:1:2)... - Nhận biết, so sánh chiều dài của 3 đối tượng. - Nhận biết, so sánh chiều cao của 3 đối tượng - Nhận biết, so sánh chiều rộng của 3 đối tượng - Nhận biết, so sánh độ lớn của 3 đối tượng - Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo. - Đo dung tích bằng một đơn vị đo .
30. Trẻ chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật,...).	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật
31. Trẻ sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.	- Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.
32. Trẻ sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.	- Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái).
33. Mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.	- Nhận biết các buổi: sáng, trưa, chiều, tối thông qua các hoạt động nổi bật trong ngày(Sáng đi học, trưa ăn, ngủ, chiều về nhà, tối đi ngủ...)
Khám phá xã hội	
34. Trẻ nói họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân. - Bé tự giới thiệu về mình

	- Cơ thể tôi và bạn
35.Trẻ nói họ, tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình. Nói địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố/thôn, xóm) khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. Một số nhu cầu của gia đình. - Những người thân trong gia đình - Các đồ dùng trong gia đình bé ở - Nhu cầu của gia đình
36.Trẻ nói tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện. Nói tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	- Nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện. - Trường Mầm non Diễn Ngọc thân yêu - Nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện. - Tên, địa chỉ của trường lớp. Tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường. - Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.
37.Trẻ kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội .	- Biết tên các ngày lễ hội trong năm 20/11, - Bé vui đón tết trung thu. - Ngày hội của bà, của mẹ...(Ngày 20/10) - Ngày hội của cô giáo (Ngày 20/11) - Cháu yêu cô, chú bộ đội (Ngày 22/12) - Bé vui đón tết nguyên đán - Ngày vui của bà, của mẹ...(Ngày 08/03) - Biết thêm về lễ hội: Ngày hội bé đến trường, Lễ hội mừng xuân, tết thiếu nhi 1/6... - Danh lam thắng cảnh nổi tiếng của địa phương: Đền thờ An Dương Vương, Biển Diễn Thành, Hòn Lèn hai vai, Biển cửa rào... - Nhận biết lá cờ tổ quốc.
38 Trẻ kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương.	- Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hoá của quê hương, đất nước -Đền thiện Diễn Ngọc.
39. Trẻ kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm/ích lợi... của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương - Cháu yêu cô, chú công nhân - Cháu thích làm chú bộ đội - Nghề dịch vụ (Nghề bán hàng, nghề lái xe...) - Nghề giúp đỡ cộng đồng (Nghề bác sỹ, nghề công

	an...) -Nghề đánh bắt hải sản tại địa phương.
Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ	
40.Trẻ thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp, ví dụ: “Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng”. Hiểu nghĩa từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ...	- Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm. - Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu. - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức.
41. Trẻ lắng nghe và trao đổi với người đối thoại. Nói rõ để người nghe có thể hiểu được	- Kể lại sự việc theo trình tự Trả lời và đặt các câu hỏi: ai? cái gì? ở đâu? khi nào? để làm gì
42.Trẻ sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm. Sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định	- Phát âm các tiếng có chứa các âm khó - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép - Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.
43.Trẻ đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao. -Trẻ biết tên, hiểu nội dung câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao dành cho lứa tuổi của trẻ..	- Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi. Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè <i>Chủ đề Trường mầm non Diễn Ngọc thân yêu</i> - Thơ: Tình bạn (Trần Thị Hương), thư của bé (Hoàng thị dân) Gà học chữ, bé học toán, làm quen chữ số, tình bạn, trăng sáng, Giờ chơi của bé(Phạm Thụy Quỳnh Anh) Nghe lời cô giáo(Nguyễn Văn Chương); Bàn tay cô giáo, Cô giáo của con(Chu Huy), Tình bạn (Trần Thị Hương); Bé tới trường; Cô giáo của em (Chu Huy); Trăng sáng. Bạn mới. Bé đến lớp. Giờ ăn, giờ ngủ, giờ chơi Truyện: món quà của cô giáo(Tú Anh), thỏ trắng biết lỗi, Ai quan trọng nhất, Ngày đầu đến lớp, Mèo con đi học, Nếu không đi học(Thu Hằng)Cậu bé mũi dài (Lê Thu Hương và Lê Thị Đức sưu tầm), Mỗi người một việc (Lê Thu Hương và Lê Thị Đức sưu tầm), Bạn tốt quá (Nguyễn Tú Ba). Mèo con và quyển sách(Trần Thị Thu) Quả Táo <i>Chủ đề Bản thân</i> - Thơ: Tình bạn(Việt Quỳnh). Đôi tay của bé, Mắt để làm gì (Phạm Hồ) , Miệng xinh(Phạm Hồ); Cái lưỡi(Lê Thị Mỹ Phương);Đôi mắt của em(Lê Thị Mỹ Phương), Đi nắng Phải là 2 tay (Phạm Cúc), Tâm sự

của cái mũi (Lê Thu Hương); Cô dạy (Phạm Hổ); Ông mặt trời (Nguyễn Thị Bích Hiền), Cháu ngoan (Võ Thị Minh Tâm); Dán hoa tặng mẹ. Bé và mèo.

- Truyện: Gấu con bị sâu răng (Phỏng theo lời dịch của Tạ Thị Liên) Gấu con chia quà; Bé và chuyện bao ny lông (Diệu an) Gấu con bị đau răng .cậu bé mũi dài. Mỗi người một việc(Lê Thu Hương- lê Thị Đức) Bằng nhau thôi.

Chủ đề gia đình

- Thơ: Lấy tấm cho bà (Định Hải); Em yêu nhà em (Đàm Thị Lam Luyện); Bó hoa tặng cô, Thăm nhà bà(Như Mao); Quạt cho Bà ngủ(Thạc Quý) Khách Cả nhà chống bão (Suru tầm),.chiếc quạt nan. Đồng hồ quả lắc

- Truyện: Tích chu ; Cả nhà đều làm việc (Hạ Huyền) Kể chuyện theo tranh về đồ dùng của gia Mẹ và con (Nguyễn Bá Đan), Bó hoa tặng cô (Ngô Quân Miện). đình. Một bó hoa tươi thắm(Phạm Mai Chi) Ba cô Tiên(Nhược Thủy)

Chủ đề ngành nghề

- Thơ: Đi bừa (Hoàng Dân), Các cô thợ (Thy Ngọc); Bé làm bao nhiêu nghề (Yên Thao); Làm bác sỹ (Lê Ngân); Chú giải phóng quân (Cẩm Thơ); Làm nghề như bố (Suru tầm); Em làm thợ xây (Hoàng Dân), Chơi bán hàng. Làm họa sỹ dễ thôi (Tùng Bách)Cái bát xinh xinh(Thanh Hoa), xe chữa cháy.

- Truyện: Thần sắt (Truyện cổ dân tộc Thái); Cô Bác sỹ tí hon (Thu Hằng), Sự tích quả dưa hấu (Truyện cổ Việt nam); Cả nhà đều làm việc (Hạ Huyền); Ba chú lợn nhỏ (Truyện nước ngoài).Bác sỹ chim(Tuyển Chi kể)

Chủ đề Những con vật đáng yêu

- Thơ: Em vẽ (Hoàng Thanh Hà); Con trâu(Cao Xuân Thái); Chú bò tìm bạn (Phạm Hổ); Gà nở (Phạm Hổ); Chim chích bông (Nguyễn Viết Bình); Nhà Bác trồng tía (Nguyễn Ngọc Hưng); Gà mẹ đếm con (Nguyễn Duy ché);; Chú cua cang (Thanh Thảo);Ếch con học bài(Phạm Thị Lan); Chuồn chuồn (Phạm Hổ); Mèo con (Phùng Phương Quý)Ong và kiến lửa. Bác gấu đen và 2 chú thỏ.

- Truyện: Dê con nhanh trí; Cáo thỏ, gà trống (Thu Thủy); Gấu con ngủ đông (Truyện nước ngoài); Mèo

lại hoàn mào (Truyện ngụ ngôn Việt Nam); Gà trống và vịt (Truyện dân gian Châu Phi); Vì sao bụng chuồn lại kẹp lép (Truyện dân gian Châu Phi) ; Con gà trống kiêu căng (Sưu tầm). Chim con và gà con
- Kể chuyện sáng tạo

Chủ đề Thực vật- tết- Mùa xuân

- Thơ: Hoa mào gà (Thanh Hà); Hoa đào (Mai Văn Hải); Cây bàng (Xuân Quỳnh); Dừa (Phạm Hồ); Vè trái cây (Nguyễn Thị Vui); Na (Phạm Hồ); Rau lang, rau muống(Phạm Hồ); Bác bầu, bác bí (TMN Ngọc Lan II).;Hoa kết Trái (Thu Hà); Tết đang vào nhà (Nguyễn Hồng Kiên); Hồ sen. Cây dây leo

Truyện: Con hãy đợi rồi sẽ biết ; Trái cây trong vườn; Cây táo thân; Cây rau của thỏ út; Sự tích hoa mào gà Chuyện của hoa phù dung (Nguyễn Thái Vân), Sự tích cây khoai lang (Theo báo họa mi).Nỗi đau của lá (Sưu tầm) Sự tích quả dưa hấu(Truyền thuyết VN) Hoa râm bụt(Xuân quỳnh) Bé Hành đi khám bệnh.

- Kể chuyện sáng tạo

Chủ đề Phương tiện giao thông

- Thơ: Xe chữa cháy(Phạm Hồ), Đèn đỏ đèn xanh(Định Hải), Xe đổ rác(Sưu tầm); Xe Càn cầu (Nguyễn Đức), Thuyền Giấy(Sưu tầm), Đoàn tàu lăn bánh(tạ Hữu Yên), Đàn kiến nó đi (Định Hải), Bé tập đi xe đạp; Em yêu đường sắt quê em, Giúp bà (Hoàng Thị Phảng), Chú cảnh sát giao thông Sưu Tầm); Con rắn thép (Nguyễn Quỳnh Thi), Bé và mẹ (Lương Thị Xiêm); Đèn giao thông (Mỹ Trang); Đường em đi (Ngô Quốc Tính) Đèn báo (Nguyễn Lâm Thắng) Thuyền giấy (Sưu tầm)

- Truyện: Kiến thi ATGT. Kiến con đi xe ô tô (Phạm Mai Chi ST) Một chuyến thăm quan (Phạm Ngọc Cài) Cái hồ bên đường(sưu tầm) Thỏ con sang đường.

Chủ đề Nước và các hiện tượng tự nhiên

- Thơ: Gió (Đặng Hân)Trưa hè (Dạ Thảo) , Mùa hè của em(Tuyết Hoa phông Trắng ơi từ đâu đến(Trần Đăng Khoa), Ông mặt trời, trăng sáng(Nhược Thủy-Phương Hoa), Mùa hạ tuyết vời(Phạm Hưng Long) Nắng thua em rồi (Sưu tầm), khi cơn bão đến (Sưu tầm), Cầu vồng (Phạm Hồ); Ông mặt trời (Ngô Thị

	Bích Hiền), Mùa hè của em (Tuyết Hoa); Nắng bốn mùa (Mai Anh Đức); Trong Nắng (Ninh Đức Hậu); Chị Gió (Đoàn Vị Thượng); Nước (Vương Trọng). Mưa (Nguyễn Diệu) -Truyện: Cô mây; Hồ nước và đám mây; Đám mây đen xấu xí; Cóc kiện trời. Giọt nước tí xíu (Nguyễn Linh) có cô con út của ông mặt trời Thỏ con và mặt trăng <i>Chủ đề Quê Hương- Đất Nước - Bác Hồ</i> - Thơ: Ai dậy sớm(Võ Quảng), Làng em buổi sáng (Nguyễn Đức Hậu), Bác Hồ của em (Phan Thị Thanh Nhàn), Em yêu miền nam, Ảnh Bác(Trần Đăng Khoa), Quê em vùng biển, Buổi sáng; Bác thăm nhà cháu; Em vẽ Bác Hồ, Em yêu nhà em (Đoàn Thị Lam Luyến), Hoa quanh lăng Bác (Nguyễn Bao); Quê em (Trần Đăng Khoa); Ngôi nhà (Tô Hà); Làng em buổi sáng (Nguyễn Đức Hậu) Em vẽ Bác Hồ (Thy Ngọc) - Truyện: Quả táo của Bác Hồ; Thế là ngoan (Tuyển tập thơ, ca, truyện kể, câu đố cho trẻ mầm non theo chủ đề) Sự tích Hồ Gươm (Truyện Thuyết VN); Chuyện Ông gióng(Truyện cổ VN) sự tích bánh chưng bánh dày.
44. Trẻ kể chuyện có mở đầu, kết thúc.	- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi - Kể lại truyện đã được nghe.
45. Trẻ bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện.	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp Đóng kịch.
46. Sử dụng các từ như mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp. Điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở	- Giao tiếp phù hợp biết cảm ơn, xin lỗi - Biết sử dụng lời nói và điều chỉnh giọng nói của bản thân. - Kể lại sự việc có nhiều tình tiết trong cuộc sống.
47. Chọn sách để xem.	Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: - Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. - Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách. - “Đọc” truyện qua các tranh vẽ. Giữ gìn, bảo vệ sách

48. Mô tả hành động của các nhân vật trong tranh.	- Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh
49. Nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm,..	- Cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh. “đọc” sách theo tranh minh họa “đọc vẹt”. - Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ)
50. Sử dụng kí hiệu để “viết”: tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng,..	Tập tô, tập đồ các nét chữ cái in rộng. Nhận dạng một số chữ cái .
Lĩnh vực phát triển tình cảm xã hội	
51. Thể hiện điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được. Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình.
52. Cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi). Biết trao đổi, thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật ...).	- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường KNS : Kỹ năng lấy cất đồ chơi
53. Nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh. Biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh.
54. Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ. Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ	- Kính yêu Bác Hồ. Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước
55. Biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.	- Cảnh đẹp biển cửa lò, khu di tích lịch sử .Biển Diễn Thánh. Đèn công, quê Bác, quảng trường HCM...
56. Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ. Biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.	- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép. Chờ đến lượt, hợp tác.
57. Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép. Chú ý nghe khi cô, bạn nói	- Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình. Quan tâm, giúp đỡ bạn.

58. Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc. . Không bẻ cành, bứt hoa.	Phân biệt hành vi đúng - sai -Tốt - xấu.
59. Không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng. Bỏ rác đúng nơi quy định.	- Tiết kiệm điện, nước. - Giữ gìn vệ sinh môi trường. - Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối. KNS: Tiết kiệm nước trong sinh hoạt - Hành động đúng sai
Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ.	
60. Trẻ chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện	- Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca). - Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
61. Hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ ...	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát. - Lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc Vui sướng, Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc.
62. Vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa).	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc Chủ đề Trường mầm non Diễn Ngọc Thân yêu -Dạy hát + vận động: Trường chúng cháu đây là trường mầm non (Phạm Tuyên), Hoa trường em (Dương Hung Bang), Rước đèn dưới trăng (Phạm tuyên) biểu diễn cuối chủ đề Em đi mẫu giáo (Dương Minh Viên), Chào hỏi khi về (Nhạc hàn Quốc) ; Cháu vẽ ông mặt trời (Tân Huyền); Đu quay (Mộng Lân); Mời bạn ăn (Trần Ngọc); Vui đến trường (Hồ bắc); Đêm trung thu (Phùng Như Thạch); Rước đèn (Đỗ Mạnh Thường) ; Ông trăng tròn. - Nghe hát: Cô giáo miền xuôi (Mộng Lân); Trường mẫu giáo yêu thương (Hoàng Văn Yên); Bàn tay cô giáo (Phạm Tuyên); Chiếc đèn ông sao (Phạm Tuyên). Chủ đề bản Thân - Dạy hát + vận động: Cái mũi (nhạc Anh), Càng lớn càng ngoan (Đức Bằng), Năm tay thân thiết (Nhạc nước ngoài), Mời bạn ăn

(Trần Ngọc) Hãy xoay nào, Cái mũi, Mời bạn ăn, Bạn có biết tên tôi ? (Lê Đức- Thu Hiền) Mừng sinh nhật(Nhạc Anh, Lời Đào Ngọc Dung) Cả tuần đều ngoan (Phạm Tuyên); Tập đếm (Hoàng Sứ); Tìm bạn thân (Việt Anh); Tập rửa mặt (Hồng Đăng); Bạn ở đâu (Lê Đức – Thu Hiền). Tay thơm tay ngoan (Bùi Đình Thảo).

- Nghe hát: Đường và chân (Hoàng Long); Khúc hát ru của người mẹ trẻ (Phạm Tuyên); Sinh nhật Hồng (Lê Quốc Thắng) ; Ngôi sao nhỏ (Trương Quang Lục).

- Biểu diễn văn nghệ cuối chủ đề

Chủ đề Gia đình

- Dạy hát + vận động: Mẹ yêu không nào (Lê Xuân Thọ); Mẹ đi vắng (Trịnh Công Sơn) ; Nhà của tôi (Thu Hiền); Cháu yêu bà (Xuân Giao). Con chim vành khuyên (Hoàng Vân). Bé quét nhà(Hà Đức Hậu)

- Nghe hát: Bố là tất cả (Thập Nhất); Khúc hát ru của người mẹ trẻ; Bàn tay mẹ (Bùi Đình Thảo). Chỉ có một trên đời (Trương Quang Lục), Ru em (Dân ca Xê đăng); Bà thương em (Bùi Đình Thảo); Cho con (Phạm Trọng Cầu); Biểu diễn văn nghệ cuối chủ đề

Chủ đề Ngành Nghề

- Hát + vận động(vỗ tay theo nhịp, đung đưa người theo nhịp): Chú bộ đội đi xa (Hoàng Vân); Cháu yêu cô chú công nhân(Hoàng Văn Yến).; Cháu yêu cô thợ dệt (Thu Hiền) ; Chú bộ đội (Hoàng Hà). Cháu thương chú bộ đội (Hoàng Văn Yến). Cô giáo miền xuôi(Mộng Lân)

- Nghe hát: Lớn lên cháu lái máy cày (Kim Hữu); Hạt gạo làng ta (Trần Viết Bính). Bác đưa thư vui tính (Hoàng Lân); Bàn tay mẹ (Bùi Đình Thảo). Anh phi công ơi(Xuân giao- Xuân Quỳnh) Lớn lên cháu lái máy cày(Kim Hữu)

- Biểu diễn văn nghệ cuối chủ đề

Chủ đề Những con vật đáng yêu

- Dạy hát + vận động: Gà trống mèo con và cún con (Thế Vinh); Cá vàng bơi (Hà Hải); Con chuồn chuồn (Vũ Đình Lê); Con chim non (Dân ca Pháp); Đố bạn (Hồng Ngọc); Một con vịt (Kim Duyên); Thật là hay (Hoàng Lân); Thương con mèo (Huy Du); Vì sao chim hay hót (Hà Hải).

- Nghe hát: Chị ong nâu và em bé (Tân Huyền); Gà gáy(Dân ca Cống Khao – Lai Châu); Lý con khi (Dân

	ca nam bộ); Lý con sáo sang sông (Dân ca nam bộ). - Biểu diễn văn nghệ cuối chủ đề Chủ đề Thế giới thực vật- tết – Mùa Xuân - Dạy hát + vận động: Màu hoa (Hồng Đăng); Sắp đến tết rồi (Hồng vân); Mùa xuân đến rồi (Phạm Thị Sửu); Em yêu cây xanh (Hoàng Văn yển); Bông hoa mừng cô (Trần Thị Duyên); Lá xanh (Thái Cơ); Mùa xuân (Hoàng Văn Yên); Cô và mẹ (Phạm Tuyên) Hoa kết trái (Phạm Thị Sửu). - Nghe hát: Lý cây bông (Dân ca nam bộ); Cây trúc Xinh (Dân ca quan họ Bắc Ninh); Em là bông hồng nhỏ (Trịnh Công Sơn); Mùa Xuân ơi (Nguyễn Ngọc Thiện); Lý cây đa (Dân ca quan họ Bắc Ninh); Hoa thơm bướm lượn (Dân ca quan họ Bắc Ninh); Ru em (Dân ca Xê Đăng); Cho con (Phạm Trọng Cầu). - Biểu diễn văn nghệ cuối chủ đề Chủ đề phương tiện giao thông - Dạy hát + vận động: Đèn đỏ đèn xanh (Lương Vĩnh). Đi đường em nhớ (Nguyễn Thị Thanh); Lái máy bay (Xuân Giao); Đường em đi (Ngô Quốc Tính); Em đi qua ngã tư đường phố (Hoàng Văn yển). Đoàn tàu nhỏ xíu (Mộng Lân) Em đi chơi thuyền (Trần kiết Tường) - Nghe hát: Ngồi tựa mạn thuyền (Dân ca quan họ Bắc Ninh); Những con đường em yêu (Hoàng Văn Yên); Bó là tất cả. - Biểu diễn văn nghệ cuối chủ đề Chủ đề nước và các hiện tượng tự nhiên - Dạy hát + vận động: Đếm sao (Văn Chung); Nắng sớm (Hàn Ngọc Bích); Mây và gió (Minh Quân); Cháu vẽ ông mặt trời (Tân Huyền); Trời nắng trời mưa (Đặng Nhật Mai); Sau mưa (Lương Ngọc Hoàn); Cho tôi đi làm mưa với (Hoàng Hà); Mùa hè đến (Nguyễn Thị Nhung) - Nghe hát: Mưa rơi (Dân ca xá); Bèo dạt mây trôi (Dân ca quan họ Bắc Ninh) Ngồi tựa mạn thuyền (Dân ca quan họ Bắc Ninh); - Biểu diễn văn nghệ cuối chủ đề Chủ đề quê hương- Đất Nước- Bác hồ - Dạy hát + vận động: Yêu Hà nội (Bảo Trọng) (Em mơ gặp Bác Hồ (Xuân Giao); Nhớ ơn Bác (Phan Huỳnh Điểu) Lá cờ nhỏ (Việt Phương) Múa Đàn (Dân ca thái)
--	---

	- Nghe hát: Quê hương (Giáp Văn Thạch); Ai yêu Bác Hồ chí Minh hơn thiếu niên nhi đồng (Phong nhã); Nhớ giọng hát Bác Hồ (Thanh Phúc); Việt Nam quê hương - Biết cách thể hiện các tiết mục văn nghệ theo hướng dẫn - Tự tin khi thể hiện trên sân khấu hoặc trước mọi người. - Biết chọn dụng cụ khi thể hiện các bài hát KNS: Trẻ có kỹ năng biểu diễn trên sân khấu.
63.Có kỹ năng biểu diễn thể hiện tự tin khi biểu diễn.	
64.Trẻ biết phối hợp các kỹ năng cắt, xé để tạo sản phẩm	+ Cắt, dán đồ chơi + Cắt, dán các khuôn mặt biểu lộ cảm xúc. + Cắt, dán bông hoa trang trí cửa sổ. + Cắt dán cái thang cho chú công nhân + Cắt dán trang trí bình hoa tặng cô giáo. + Xé, dán con vật sống dưới nước + Cắt, dán động vật sống trong rừng. + Xé dán trang trí bình hoa tặng cô giáo + Xé dán quả. + Cắt, dán máy bay trực thăng. + Xé, dán mặt trời và những đám mây. + Xé, dán theo chủ đề. + Dán con thuyền quê em
65. Trẻ biết vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.	+ Vẽ, các cây hoa trong trường mầm non. + Tô màu cô giáo. + Vẽ tô màu đồ chơi + Tô màu vòng đeo cổ + Vẽ người thân trong gia đình. + Vẽ ngôi nhà + Vẽ trang trí cái cốc. + Vẽ tô màu chú cảnh sát giao thông + Vẽ con mèo + Vẽ tô màu con bướm + Vẽ tranh theo chủ đề thế giới động vật. + Vẽ vườn hoa mùa xuân

	+ Vẽ tranh theo chủ đề. + Vẽ tô màu tàu hỏa. + Vẽ tô màu ô tô. + Vẽ tranh theo chủ đề + Vẽ Phương tiện mà e thích + Vẽ tô màu cảnh mùa hè + Vẽ chiếc ô + Vẽ trang phục theo mùa theo ý thích. + Vẽ tranh theo đề tài
66. Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm. Phối hợp các kĩ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau	+ Trang trí áo bé trai, bé gái + Làm thiệp chúc mừng cô giáo. + Làm quà tặng cô giáo. + Trang trí khung ảnh gia đình gia đình của bé. + Gấp quạt giấy. + Làm đồ dùng, dụng cụ của chú bộ đội. + Làm con vật từ các nguyên vật liệu. + Làm thiệp chúc mừng ngày 8/3. + Gấp hoa sen + Tạo hoa bằng dầu vân tay. + Vẽ theo chủ đề. + Gấp và dán máy bay. Máy bay, thuyền + Làm ô tô. + Gấp thuyền. + Làm mưa ngũ sắc. + Làm phao bơi. + Trang trí khung ảnh Bác Hồ + Trang trí dây hoa chào mừng ngày 30/4- 1,5 bằng dầu vân tay
67. Xé, cắt theo đường thẳng, đường cong. Vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục. Làm lổm, dổ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.	- Làm lổm, dổ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết. - Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm. - Sử dụng các kĩ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét.

	- Phối hợp các kĩ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau. KNS: Trẻ có kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/đường nét KNS: Trẻ có kỹ năng phối hợp nguyên liệu tạo ra sản phẩm
68.Trẻ biết phối hợp các kỹ năng nặn để tạo sản phẩm	+ Nặn quà tặng bạn + Nặn búp bê mặc váy + Nặn quà tặng bà, tặng mẹ... + Nặn cái bát. + Nặn cái ấm + Nặn đồ chơi bé thích. + Nặn đồ dùng gia đình(Đồ dùng để ăn, đồ dùng để uống) + Nặn bông hoa. + Nặn các loại quả tròn , quả dài. + Nặn các loại bánh. + Nặn theo chủ đề.
69. Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.	- Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích - Thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình. - Nhận xét sản phẩm tạo hình của bạn của bản thân. - Đặt tên cho sản phẩm của mình KNS: Trẻ có kỹ năng cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình. - Kỹ năng đặt tên cho sản phẩm của mình và của bạn. - Kỹ năng nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích của bản thân.
70.Trẻ có ý tưởng trong hoạt động tạo hình, tạo ra sản phẩm theo ý thích	Nói ý tưởng trong hoạt động tạo hình, tạo ra sản phẩm theo ý thích
71.Giáo dục tăng cường:Tiếng anh. Trẻ đếm từ 1 đến 10 bằng	Tăng cường: Trẻ có thể trả lời và đặt câu hỏi về tên của mình và của bạn bằng tiếng anh. Trẻ đọc và phát âm chữ

tiếng anh. Phát âm một số đồ dùng và tên gọi con vật cây cối quen thuộc. Trẻ đọc và phát âm chữ cái bằng tiếng anh Tin học: Tin học: Trẻ biết tắt, mở máy, rê chuột để bấm chơi các trò chơi trên máy tính Môn năng khiếu: Múa và Erobic. Biết múa 6 thế tay, 6 thế chân cơ bản và di chuyển đội hình. Nhảy và hưởng ứng theo giai điệu. Các động tác múa và nhảy đúng kỹ thuật.	cái bằng tiếng anh. Trẻ có thể đọc và phát âm tiếng anh từ 1-10 One, Two, Three, FourFive; Six, Seven, Eight, Nine, Ten, đọc và phát âm tên các loại quả, con vật, PTGT... bằng tiếng anh Ví dụ: What's your name? (Tên của bạn là gì?) Hi, I'm Minh, and you? (Xin chào, tôi tên Minh, còn bạn?) Giáo dục tăng cường Tin học: Sử dụng được một số thiết bị công nghệ an toàn, đúng cách và thực hiện đúng một số thao tác với thiết bị công nghệ quen thuộc dưới sự hướng dẫn của người lớn: bật/tắt (đúng nhu cầu), sử dụng điều khiển/chuột máy tính... Múa, Erobic: Trẻ thực hiện các động tác múa cơ bản và nhảy đúng kỹ thuật Erobic và biết cách thể hiện các động tác. Biết phối hợp đội nhóm.
---	---

**KHUNG THỜI GIAN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH
CHĂM SÓC- GIÁO DỤC TRẺ: 4 TUỔI**

Năm học: 2024-2025

(Kèm theo kế hoạch số 78 /KHGD- MNDN ngày 24 tháng 9 năm 2024)

TT	Chủ đề lớn	Chủ đề nhánh	Số tuần	Thời gian thực hiện
1	Trường mầm non Diễm Ngọc Thân yêu (3 tuần)	Trường MN Hanh Phúc	1	09/9-27/9
		Lớp học của Bé	2	
		Bé Vui hội Trăng Rằm	3	
2	Bé Khám phá cơ thể (3 tuần)	Bé tự giới thiệu về mình	4	30/09-18/10
		5 giác quan của bé	5	
		Bé lớn lên như thế nào?	6	
3	Hạnh phúc gia đình (3 tuần)	Gia đình hạnh phúc của bé	7	21/10-08/11
		Đồ dùng trong gia đình	8	
		Ngôi nhà thân yêu của Bé	9	
4	Ước mơ của bé (4 tuần)	Nghề của bố mẹ	10	11/11 đến 06/12
		Ngày hội cô giáo 20/11	11	
		Nghề truyền thống địa phương (Đánh bắt hải sản)	12	
		Ước mơ của Bé	13	
5	Động vật quanh em (4 tuần)	Con vật thân quen trong gia đình	14	09/12- 03/01/2024
		Ngày vui của chú bộ đội 22/12	15	
		Động vật sống dưới nước	16	
		Động vật sống trong rừng	17	
6	Thế giới thực vật - Tết và mùa xuân (6 tuần)	Những loại cây mà bé biết - sự phát triển của cây xanh	18	06/01-28/02
		Một số loại rau	19	
		Bé vui đón tết cổ truyền	20	
		Nghỉ tết		
		Mùa xuân của bé	21	
		Hoa mùa xuân	22	
		Quả và hạt	23	
7	Quy định và các loại phương tiện giao thông (4 tuần)	Quy định và PT giao thông đường bộ .	24	03/02 - 28/03
		Ngày vui 8/3	25	
		QĐ và PT giao thông đường thủy.	26	
		QĐ và PT giao thông đường không	27	
8	Nước và các hiện tượng tự nhiên (4 tuần)	Nước cần gì cho cuộc sống	28	31/03- 25/4
		Một số hiện tượng thời tiết và các mùa trong năm	29	
		Đất, đá, cát, sỏi	30	

		Mùa hè sôi động	31	
9	Du lịch Việt nam - Quê Hương em- Bác Hồ (4 tuần)	Làng xóm của em- Quê Hương Diễm Ngọc	32	28/4- 23/5
		Nghệ An quê Bác	33	
		Bác Hồ với các cháu thiếu nhi	34	
		Du lịch Việt Nam	35	
	Cộng		35	